

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 – 30



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Địa chỉ: Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung Ương I (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung Ương I là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2000. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, trụ sở chính của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 12 ngày 04/06/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100102326 thay đổi lần thứ 12 ngày 04/06/2021 là 142.499.690.000 đồng (*Một trăm bốn mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại số 88 Trường Chinh, quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Anh Tuấn	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Ông Lê Anh Tuấn	Giám đốc	<i>Bổ nhiệm từ 01/01/2022</i>
Ông Lê Đức Liên	Giám đốc	<i>Miễn nhiệm từ 01/01/2022</i>

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Tiếp	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Hồng Quỳnh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Vũ Văn Đôn	Thành viên Ban kiểm soát

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng và đảm bảo báo cáo tài chính riêng đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo Công ty cần phải:

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Đại diện cho HĐQT và Ban Lãnh đạo



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Anh Tuấn

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung Ương I
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021.

**Kính gửi: Các cổ đông; Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo
Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung Ương I**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung Ương I, được lập ngày 29/03/2022 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung Ương I tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2021, số lỗ lũy kế của đơn vị là 192.367.273.123 đồng vượt 49.867.583.123 đồng so với số vốn góp của chủ sở hữu cùng thời điểm. Và cũng tại ngày đó, khoản nợ phải trả ngắn hạn của đơn vị đã vượt quá tài sản ngắn hạn của đơn vị là 3.363.896.215 đồng. Các dấu hiệu trên chỉ ra yếu tố không chắc chắn trọng yếu ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của đơn vị.



Nguyễn Thị Thu Hà
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1387-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Nguyễn Thị Trúc Giang

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2272-2018-137-1

019
G
HI
TC
ETI
NHÀ
NB
VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.333.232.835	25.616.129.864
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	329.111.326	61.035.893
1. Tiền	111		329.111.326	61.035.893
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.862.140.830	25.387.512.877
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.795.757.133	2.631.444.140
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	679.354.252	2.415.597.640
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	27.290.187.280	29.328.941.537
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(5.903.157.835)	(8.988.470.440)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		141.980.679	167.581.094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		141.980.679	167.581.094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.798.536.934	70.358.772.053
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.793.129.132	14.793.129.132
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	14.793.129.132	14.793.129.132
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.028.032.189	5.588.267.308
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	5.028.032.189	5.588.267.308
- Nguyên giá	222		14.659.297.155	14.659.297.155
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.631.264.966)	(9.071.029.847)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		59.500.000	59.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(59.500.000)	(59.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	49.977.375.613	49.977.375.613
1. Đầu tư vào công ty con	251		49.977.375.613	49.977.375.613
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.640.000	866.640.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(866.640.000)	(866.640.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		94.131.769.769	95.974.901.917

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.296.129.050	213.216.381.446
I. Nợ ngắn hạn	310		27.697.129.050	212.617.381.446
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	18.226.541.976	26.867.670.411
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	44.987.923	44.987.923
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.965.924.030	2.528.762.526
4. Phải trả người lao động	314		1.176.612.785	1.171.823.843
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	1.691.988.420	2.999.769.843
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	4.590.539.317	5.180.367.397
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	-	173.823.464.904
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		534.599	534.599
II. Nợ dài hạn	330		599.000.000	599.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	599.000.000	599.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	65.835.640.719	(117.241.479.529)
I. Vốn chủ sở hữu	410		65.835.640.719	(117.241.479.529)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.499.690.000	82.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.499.690.000	82.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.119.984.904	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(130.000)	(130.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		304.406.186	304.406.186
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(192.367.273.123)	(200.324.718.467)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(200.324.718.467)	(199.071.653.226)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.957.445.344	(1.253.065.241)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		94.131.769.769	95.974.901.917

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập



NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU HÀ

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN ANH TUẤN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.763.420.865	5.499.803.819
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	3.763.420.865	5.499.803.819
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	192.691.187	2.313.175.563
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.570.729.678	3.186.628.256
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.075.980.366	3.261.874.370
7. Chi phí tài chính	22	6.4	51.977.833	10.102.279.939
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	10.012.586.100
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	191.041.181	309.757.844
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	(880.277.522)	2.895.710.065
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.283.968.552	(6.859.245.222)
11. Thu nhập khác	31	6.7	846.503.757	5.677.053.253
12. Chi phí khác	32	6.7	173.026.965	70.873.272
13. Lợi nhuận khác	40		673.476.792	5.606.179.981
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.957.445.344	(1.253.065.241)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.957.445.344	(1.253.065.241)

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

NGUYỄN THỊ THU HÀ

NGUYỄN ANH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*Theo phương pháp gián tiếp*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.957.445.344	(1.253.065.241)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	560.235.119	712.172.423
- Các khoản dự phòng	03	(3.085.312.605)	416.775.597
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.004.509.824)	(3.216.319.606)
- Chi phí lãi vay	06	-	10.012.586.100
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	2.427.858.034	6.672.149.273
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.638.284.521	9.647.622.168
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	2.277.000.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.504.367.492)	(16.644.527.384)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	111.981.124
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.296.210.000)	(2.136.476.996)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	265.565.063	(72.251.815)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.510.370	287.898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.510.370	287.898
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	50.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(50.000.000.000)	(9.815.493.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(9.815.493.488)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	61.035.893	9.948.493.298
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	329.111.326	61.035.893

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng




Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

NGUYỄN THỊ THU HÀ

NGUYỄN ANH TUẤN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung Ương I là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2000. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, trụ sở chính của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 12 ngày 04/06/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100102326 thay đổi lần thứ 12 ngày 04/06/2021 là 142.499.690.000 đồng (*Một trăm bốn mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại số 88 Trường Chinh, quận Đống Đa, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 05 người (Tại ngày 31/12/2020, tổng số cán bộ nhân viên là 05 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất, gia công thuốc thú y thủy sản; Sản xuất, gia công thuốc thú y;
- Khai thác thủy sản biển; Khai thác thủy sản nội địa; Nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Sản xuất giống thủy sản;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ chở xuống);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Lữ hành nội địa; Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke; vũ trường); Cho thuê văn phòng; Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hoá; Dịch vụ thương mại;
- Nghiên cứu đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh thuốc thú y và vật tư thú y (Có chứng chỉ hành nghề thuốc thú y số 22/TY-CCHN ngày 19/5/2000 của Cục thú y cấp cho ông Lê Văn Năm – Thành viên HĐQT);
- Hoạt động thủy sản; Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke; vũ trường); Kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke; vũ trường);
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thuốc và vật tư thú y.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: Cho thuê kho, mặt bằng kinh doanh.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

11-0
 CẾ
 7
 KIẾ
 CPA
 CH
 M
 PHO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có một công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1 có trụ sở tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối vắc xin, thuốc thú y.

Đơn vị trực thuộc:

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 02 chi nhánh trực thuộc tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Hồ Chí Minh. Các giao dịch nội bộ và số dư giữa Văn phòng Hà Nội với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy không bao gồm Báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

197
S T Y
H H
TOÁ
TNA
HÁN
BÁI
NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư khác**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	07 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận Vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, khế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm chi phí lãi vay phải trả, chi phí bán hàng phải trả CBCNV; chi phí hoạt động tháng 12/2021.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 là số lỗ từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

01
 CỘ
 T
 KIẾ
 P
 CHI
 MI
 PHỐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho, mặt bằng kinh doanh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá, thu từ lợi nhuận công ty con chuyển về và thu nhập từ nhập hàng vác xin và tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi chênh lệch tỷ giá, thu nhập từ nhập hàng vác xin và tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp được ghi nhận trên cơ sở thực nhận. Thu nhập từ lợi nhuận công ty con chuyển về được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh.

Nguyên tắc kế toán Giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm tiền lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, các khoản phụ cấp), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; các chi phí môi giới bán hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm tài chính.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	158.583.631	15.273.484
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	170.527.695	45.762.409
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	329.111.326	61.035.893

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.795.757.133	2.631.444.140
Văn phòng Công ty	1.120.072.170	1.137.472.002
+ Công ty CP giống vật nuôi & cây trồng Đồng Giao	79.818.093	79.818.093
+ Triệu Thị Thu Chúc	-	96.999.930
+ Trần Văn Diệp	65.276.477	65.276.477
+ Các đối tượng khác	974.977.600	895.377.502
CN CTCP Thuốc thú y TW I tại Đà Nẵng	202.160.483	947.371.458
+ Lê Xuân Hà	-	745.210.975
+ Đại lý Nguyễn Quang	73.912.501	73.912.501
+ Nguyễn Ngọc Cường	32.546.627	32.546.627
+ Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW I	-	-
+ Các đối tượng khác	95.701.355	95.701.355
CN CTCP Thuốc thú y TW I tại TP HCM	473.524.480	546.600.680
+ Trần Thị Nhung	57.573.810	57.573.810
+ Lê Xuân Hà	-	73.076.200
+ Lê Thị Hương	40.525.540	40.525.540
+ Lê Đức Hưng	65.716.994	65.716.994
+ Các đối tượng khác	309.708.136	309.708.136
Dài hạn	14.793.129.132	14.793.129.132
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW I	14.793.129.132	14.793.129.132
Cộng	16.588.886.265	17.424.573.272
Trong đó		
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan	14.793.129.132	14.793.129.132
Chi tiết thuyết minh số 7.1		

01
 CÔNG
 TI
 KIỂM
 S:PA V
 CHI
 MIẾ
 CHỐ H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	549.354.252
Công ty CP ĐT XD&TM Ao Sen	130.000.000	130.000.000
Công ty Guangdong Dahuanong Animal health Co.,Ltd	-	1.736.243.388
Cộng	679.354.252	2.415.597.640

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Văn phòng Công ty	26.473.932.448	28.386.757.994
+ Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1	23.144.866.622	24.653.867.168
+ Lê Hữu Tuấn	637.379.708	637.379.708
+ Nguyễn Huy Đức	629.034.000	629.034.000
+ Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	912.020.000
+ Tạm ứng	25.484.148	151.934.148
+ Phải thu khác	1.125.147.970	1.402.522.970
CN CTCP Thuốc thú y TW I tại TP HCM	814.709.474	814.709.474
+ Lê Đức Hùng	472.000.000	472.000.000
+ Tạm ứng	299.208.492	299.208.492
+ Phải thu khác	43.500.982	43.500.982
CN CTCP Thuốc thú y TW I tại Đà Nẵng	1.545.358	127.474.069
+ Tạm ứng	1.545.358	47.637.851
+ Phải thu khác	-	79.836.218
Cộng	27.290.187.280	29.328.941.537

Trong đó

Phải thu khác là các bên có liên quan	23.144.866.622	24.653.867.168
--	-----------------------	-----------------------

Chi tiết thuyết minh số 7.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	1.715.862.633	-	2.631.444.140	-
+ Triệu Thị Thu Chúc	-	-	96.999.930	-
+ Trần Văn Điệp	65.276.477	-	65.276.477	-
+ Nguyễn Văn Thiên	29.920.213	-	29.920.213	-
+ Lê Xuân Hà	-	-	745.210.975	-
+ Đại lý Nguyễn Quang	73.912.501	-	73.912.501	-
+ Nguyễn Ngọc Cường	32.546.627	-	32.546.627	-
+ Các đối tượng khác	1.514.206.815	-	1.587.577.417	-
Trả trước cho người bán	679.354.252	-	2.415.597.640	-
+ Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	549.354.252	-
+ Công ty CP ĐT XD&TM Ao Sen	130.000.000	-	130.000.000	-
+ Công ty Guangdong Dahuanong Animal Health Co., Ltd	-	-	1.736.243.388	-
Tạm ứng	326.237.998	-	362.687.998	-
+ Lê Đức Linh	-	-	36.450.000	-
+ Các đối tượng khác	326.237.998	-	326.237.998	-
Phải thu khác	3.181.702.952	-	3.578.740.662	-
+ Nguyễn Huy Đức	629.034.000	-	629.034.000	-
+ Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	-	912.020.000	-
+ Mỹ Duy Thắng	320.664.196	-	320.664.196	-
+ Đặng Văn Dũng	284.486.568	-	284.486.568	-
+ Các đối tượng khác	1.035.498.188	-	1.432.535.898	-
Cộng	5.903.157.835	-	8.988.470.440	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Địa chỉ: Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2021	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ					
Tại ngày 01/01/2021	3.916.816.494	2.444.615.693	2.004.077.857	705.519.803	9.071.029.847
Khấu hao trong năm	284.214.412	115.551.267	110.307.420	50.162.020	560.235.119
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	4.201.030.906	2.560.166.960	2.114.385.277	755.681.823	9.631.264.966
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	4.945.892.807	215.074.997	259.572.223	167.727.281	5.588.267.308
Tại ngày 31/12/2021	4.661.678.395	99.523.730	149.264.803	117.565.261	5.028.032.189

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

6.079.042.884 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để chấp các khoản vay:

4.661.678.395 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Địa chỉ: Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.7 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2021	-	59.500.000	59.500.000
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021		59.500.000	59.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ			
Tại ngày 01/01/2021	-	59.500.000	59.500.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021		59.500.000	59.500.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-	-

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 59.500.000 đồng

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên đơn vị	Tỷ lệ		31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc hợp lý	Dự phòng	Giá gốc hợp lý (i)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1	100%	100%	49.977.375.613	-	49.977.375.613	-
Đầu tư dài hạn khác						
Công ty cổ phần giống gia cầm Lương Mỹ			866.640.000	866.640.000	866.640.000	866.640.000
Cộng			50.844.015.613	866.640.000	50.844.015.613	866.640.000

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.9 Phải trả người bán**

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	18.226.541.976	-	26.867.670.411	-
Văn phòng Công ty	10.533.637.710	-	18.349.718.952	-
+ Công ty cổ phần Guangdong Wens Dahuanong Biotechnology	-	-	6.593.129.645	-
+ Công ty HH và thiết kế công trình Nam Ninh - CNN TQ	1.790.324.060	-	1.813.367.062	-
+ Công ty CP Thành Nhơn	1.829.827.064	-	2.179.827.064	-
+ Công ty CP sản xuất & TM Thái Sơn	2.154.287.641	-	2.154.287.641	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	4.759.198.945	-	5.609.107.540	-
CN CTCP Thuốc thú y TW I tại Đà Nẵng	5.171.180.723	-	5.996.227.916	-
+ Công ty TNHH Thuốc thú y Trung Ương I	5.171.180.723	-	5.996.227.916	-
CN CTCP Thuốc thú y TW I tại TP HCM	2.521.723.543	-	2.521.723.543	-
+ Công ty TNHH Thuốc thú y Trung Ương I	2.499.323.543	-	2.499.323.543	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	22.400.000	-	22.400.000	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	18.226.541.976	-	26.867.670.411	-
Trong đó				
Phải trả người bán là các bên có liên quan		7.670.504.266		8.495.551.459
Chi tiết thuyết minh số 7.1				

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	342.722.012	318.783.821	(347.049.389)	314.456.444
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.560.155.588	24.397.002	(14.207.302)	1.570.345.288
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	228.907.218	457.727.222	(686.634.440)	-
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	396.977.708	-	(315.855.410)	81.122.298
Cộng	2.528.762.526	805.908.045	(1.368.746.541)	1.965.924.030

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng Công ty	21.932.764	-	21.932.764	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	21.932.764	-	21.932.764	-
CN CTCP Thuốc thú y TW I tại TP HCM	23.055.159	-	23.055.159	-
+ Trung tâm NC & PT Chăn nuôi heo Bình Thắng	14.962.500	-	14.962.500	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	8.092.659	-	8.092.659	-
Cộng	44.987.923	-	44.987.923	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Lãi vay thế chấp tài sản phải trả	-	1.296.210.000
- Chi phí bán hàng phải trả CBCNV	1.666.406.500	1.666.406.500
- Chi phí văn phòng phải trả	25.581.920	37.153.343
Cộng	1.691.988.420	2.999.769.843

5.13 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Ngắn hạn	4.590.539.317	65.935.409	5.180.367.397	76.907.449
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-	-	-
- Kinh phí công đoàn	45.632.883	45.632.883	49.037.883	49.037.883
- Bảo hiểm xã hội	15.533.203	15.533.203	21.444.953	21.444.953
- Bảo hiểm y tế	3.004.192	3.004.192	4.068.307	4.068.307
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.765.131	1.765.131	2.356.306	2.356.306
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.524.603.908	-	5.103.459.948	-
Văn phòng Công ty	3.665.577.978	-	4.244.434.018	-
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	-	390.212.000	-
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn (*)	700.000.000	-	800.000.000	-
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	-	136.723.837	-
+ Các đối tượng khác	2.438.642.141	-	2.917.498.181	-
Chi nhánh tại Đà Nẵng	91.340.670	-	91.340.670	-
+ Chi cục chăn nuôi và thú y Quảng Nam	81.000.000	-	81.000.000	-
+ Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh Đà Nẵng	10.340.670	-	10.340.670	-
Chi nhánh tại TPHCM	767.685.260	-	767.685.260	-
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hà	19.900.000	-	19.900.000	-
+ Ông Lê Hữu Tuấn	747.785.260	-	747.785.260	-
Dài hạn	599.000.000	-	599.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	599.000.000	-	599.000.000	-
+ Công ty cổ phần thương mại Sunshine Việt Nam	19.000.000	-	19.000.000	-
+ Công ty cổ phần thế giới di động	580.000.000	-	580.000.000	-
Cộng	5.189.539.317	65.935.409	5.779.367.397	76.907.449

(*) : Đây là khoản ông Tuấn cho Công ty mượn tiền để nộp các khoản thuế không có thời hạn và không tính lãi.

Trong đó

Phải trả khác là các bên có liên quan

700.000.000

800.000.000

Chi tiết thuyết minh số 7.1

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Địa chỉ: Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**Các khoản vay

	01/01/2021		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	173.823.464.904	173.823.464.904	-	(173.823.464.904)
+ Vay các cá nhân	173.823.464.904	173.823.464.904	-	(173.823.464.904)
Cộng				

(*) Các khoản vay cá nhân được thanh toán một phần bằng tiền và một phần hoán đổi thành cổ phiếu theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 06/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BT ngày 20/02/2021. Theo đó một phần khoản vay được hoán đổi thành cổ phần theo tỷ lệ 12.5119:1, tương đương 125.119 đồng đổi lấy 1 cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỤ Y TRUNG ƯƠNG I

Địa chỉ: Số 88 Trương Chinh, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.15 Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	82.500.000.000	-	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(199.071.653.226)	(115.988.414.288)
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(1.253.065.241)	(1.253.065.241)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	82.500.000.000	-	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(200.324.718.467)	(117.241.479.529)
Tăng vốn điều lệ (*)	59.999.690.000	115.119.984.904	-	-	-	-	175.119.674.904
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	7.957.445.344	7.957.445.344
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	142.499.690.000	115.119.984.904	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(192.367.273.123)	65.835.640.719

(*): Công ty đã thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 06/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BT ngày 20/02/2021. Theo đó, vốn điều lệ tăng thêm 59.999.960.000 đồng từ nguồn phát hành cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp 50.000.000.000 đồng và 9.999.960.000 đồng phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ vay cho các cá nhân/tổ chức. Các khoản vay được hoán đổi thành cổ phần theo tỷ lệ 12,5119:1, tương đương 125.119 đồng đổi lấy 1 cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Bà Nguyễn Thị Hương	6.702.490.000	6.702.490.000
Ông Lê Chí Cường	10.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.000.000.000	-
Ông Thân Hoài Nhân	4.184.490.000	4.184.490.000
Các cổ đông khác	81.612.710.000	71.613.020.000
Cổ phiếu quỹ	(130.000)	(130.000)
Cộng	142.499.560.000	82.499.870.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	82.500.000.000	82.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	59.999.690.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	142.499.690.000	82.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu:

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.249.969	8.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.249.969	8.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.249.969	8.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	13	13
+ Cổ phiếu phổ thông	13	13
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.249.956	8.249.987
+ Cổ phiếu phổ thông	14.249.956	8.249.987

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

(*): Các cổ phiếu quỹ phát sinh từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2014. Đây là số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống hàng đơn vị khi thực hiện chia cổ phiếu theo tỷ lệ đã được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

e. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

	31/12/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	304.406.186	304.406.186

Mục đích trích lập các quỹ:

+ Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối

	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	575,77	548,45

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.763.420.865	5.499.803.819
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	-	3.668.630.000
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3.763.420.865	1.831.173.819
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.763.420.865	5.499.803.819
<i>Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá</i>	-	3.668.630.000
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	3.763.420.865	1.831.173.819

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	2.277.000.000
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	192.691.187	36.175.563
Cộng	192.691.187	2.313.175.563

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.510.370	287.898
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	-
Lợi nhuận từ công ty con chuyển về	3.001.999.454	3.216.031.708
Lãi chênh lệch tỷ giá	71.470.542	45.554.764
Cộng	3.075.980.366	3.261.874.370

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	-	10.012.586.100
Chênh lệch tỷ giá	51.977.833	89.693.839
Cộng	51.977.833	10.102.279.939

973
 TY
 H
 TOÁN
 TNAI
 IÁNH
 BẮC
 VỚI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021	Năm 2020
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
<i>Chi phí nhân công</i>	687.490.653	560.462.276
<i>Chi phí đồ dùng, vật liệu</i>	31.973.545	16.660.000
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	176.502.751	423.453.596
<i>Chi phí thuế, phí lệ phí</i>	463.490.858	481.470.162
<i>Chi phí dự phòng nợ khó đòi</i>	(3.085.312.605)	416.775.597
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	284.756.788	254.202.752
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	560.820.488	742.685.682
Cộng	(880.277.522)	2.895.710.065
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	191.041.181	252.543.264
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	-	57.214.580
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	-	-
Cộng	191.041.181	309.757.844

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập khác	846.503.757	5.677.053.253
Tiền miễn giảm lãi vay của Ngân hàng	-	3.476.471.648
Thu nhập từ nhập hàng vác xin	521.533.032	2.196.954.685
Thu nhập khác	324.970.725	3.626.920
Chi phí khác	173.026.965	70.873.272
Tiền phạt chậm nộp thuế	12.951.848	-
Thù lao HĐQT, BKS năm 2021	85.200.000	-
Chi phí khác	74.875.117	70.873.272
Cộng	673.476.792	5.606.179.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNNH kỳ này	-	-
Cộng	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	7.957.445.344	(1.253.065.241)
<u>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</u>	<u>(2.854.867.606)</u>	<u>6.135.924.260</u>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	147.131.848	9.351.955.968
Chi phí lãi vay không hợp lý theo NĐ 68/2020/NĐ-CP	-	8.852.730.581
Các khoản chi không được khi xác định thuế TNDN	147.131.848	499.225.387
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>(3.001.999.454)</u>	<u>(3.216.031.708)</u>
Lợi nhuận từ công ty con chuyển về	(3.001.999.454)	(3.216.031.708)
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	5.102.577.738	4.882.859.019
Lỗ năm trước chuyển sang	(5.102.577.738)	(4.882.859.019)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	-	645.005.715
Điều chỉnh khác	-	731.510.007
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(1.376.515.722)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân công	687.490.653	560.462.276
Chi phí đồ dùng, vật liệu	31.973.545	16.660.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	560.235.119	712.172.423
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	(3.085.312.605)	416.775.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	284.756.788	311.417.332
Chi phí khác bằng tiền	1.024.311.346	1.224.155.844
Cộng	<u>(496.545.154)</u>	<u>3.241.643.472</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Trong năm tài chính 2021, Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1 (công ty con), các thành viên Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là các bên liên quan của Công ty.

a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Tiền lương trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Tiền lương và phụ cấp		93.448.951	15.887.788
Cộng		93.448.951	15.887.788
Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	-
Nguyễn Thị Hương	Ủy viên HĐQT	12.000.000	-
Lê Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	12.000.000	-
Đặng Tiếp	Trưởng BKS	18.000.000	-
Trần Hồng Quỳnh	Thành viên BKS	9.600.000	-
Nguyễn Văn Đôn	Thành viên BKS	9.600.000	-
Lê Đức Liên	Giám đốc	8.248.951	15.887.788

b. Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Bán hàng				
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	Công ty con	+ Thu tiền hàng	-	9.440.000.000
		+ Bù trừ công nợ	-	57.214.580
Giao dịch khác				
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	+ Mượn tiền	500.000.000	210.000.000
		+ Trả tiền mượn	600.000.000	110.000.000
Ông Lê Đức Liên	Giám đốc đến ngày 01/01/2022	+ Hoán đổi vay thành cổ phần	9.704.781.676	-
		+ Thanh toán khoản vay	4.480.960.650	-
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	Công ty con	+ Chuyển tiền	2.300.000.000	-
		+ Thu hồi tiền vay	6.811.000.000	-

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu khách hàng dài hạn			
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	Công ty con	14.793.129.132	14.793.129.132
Phải thu khác			
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	Công ty con	23.144.866.622	24.653.867.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.1 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả người bán		7.670.504.266	8.495.551.459
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	Công ty con	7.670.504.266	8.495.551.459
Vay		-	13.368.312.326
Ông Lê Đức Liên	Giám đốc đến ngày 01/01/2022	-	13.368.312.326
Chi phí phải trả		-	817.430.000
Ông Lê Đức Liên	Giám đốc đến ngày 01/01/2022	-	817.430.000
Phải trả khác		700.000.000	800.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	700.000.000	800.000.000

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trích từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU HÀ

NGUYỄN ANH TUẤN